

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRÀ ÔN
TỈNH VĨNH LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 61/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 15/5/2025

V/v: Tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀ ÔN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Luân

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Kim Đồng

Bà Lê Thị Trúc Linh

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Ánh Nguyệt – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Trà Ôn tham gia phiên tòa: Ông Phạm Trung Hào – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 121/2025/TLST – HNGĐ ngày 19 tháng 3 năm 2025, về việc “Tranh chấp ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 61/2025/QĐXXST – HNGĐ ngày 28 tháng 4 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Phạm Thị S**, sinh năm 1984. Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long (xin vắng mặt).

- Bị đơn: Ông **Huỳnh Tấn T**, sinh năm 1984. Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long (xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Theo đơn khởi kiện ngày 13/3/2024 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Phạm Thị S trình bày và yêu cầu:*

- Về quan hệ hôn nhân: Bà S và ông Huỳnh Tấn T xây dựng hôn nhân vào năm 2016, không có tổ chức lễ cưới, không có đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn, bà S và ông T sinh sống tại huyện M, tỉnh Vĩnh Long, sau này về sinh sống tại ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long. Thời gian đầu sống hạnh phúc, sau này không hạnh

phúc do vợ chồng sống không hợp nhau, bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cãi. Bà S và ông T đã sống ly thân từ hơn 07 tháng nay.

Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể tiếp tục, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay bà S làm đơn yêu cầu Toà án giải quyết cho bà S được ly hôn với ông Huỳnh Tấn T.

- Về con chung: Trong thời gian sống chung, bà S và ông T có 01 con chung tên Phạm Tấn T1, sinh ngày 28/11/2011 hiện tại con chung đang sống cùng ông T. Ngoài ra không còn người con chung nào khác.

Tại biên bản ngày 21/4/2025, bà S đồng ý giao con chung cho ông T được tiếp tục chăm nuôi dưỡng, bà S không phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết.

Bà S yêu cầu được vắng mặt khi Tòa án giải quyết vụ án.

**Tại biên bản ngày 21/4/2025, bị đơn ông Huỳnh Tấn T trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Ông T và bà Phạm Thị S về sống chung từ khoảng năm 2010, không có tổ chức lễ cưới, không có đăng ký kết hôn. Sau khi về sống chung, ông T và bà S có tạo lập 01 căn nhà trên phần đất của ông T được cha mẹ cho tại xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

Mâu thuẫn vợ chồng bà S trình bày là đúng, không còn sống chung từ khoảng tháng 7/2023 cho đến nay. Nay theo yêu cầu ly hôn của bà S thì ông T đồng ý.

- Về con chung: Trong thời gian sống chung, ông T và bà S có 01 con chung tên Phạm Tấn T1, sinh ngày 28/11/2011. T1 hiện đang sống cùng với ông T, do ông Trung trực T2 chăm sóc, nuôi dưỡng. Ngoài ra không còn người con chung nào khác.

Khi ly hôn, ông T đồng ý tiếp tục nuôi con chung, không yêu cầu bà S phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông T xin được vắng mặt khi Tòa án giải quyết vụ án.

** Tại phiên tòa sơ thẩm:*

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án; các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử: Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Phạm Thị S và ông Huỳnh Tấn T; Về con chung, cấp dưỡng nuôi con: Giao con chung Phạm Tấn T1 cho ông Huỳnh Tấn T tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng, bà Phạm Thị S không phải cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét; Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà S phải nộp 300.000đ tiền án phí ly hôn và được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Bà Phạm Thị S khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông Huỳnh Tấn T; bị đơn ông T cư trú tại ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long. Do đó, đây là vụ án “Tranh chấp ly hôn” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Bà Phạm Thị S và ông Huỳnh Tấn T đều có yêu cầu được vắng mặt khi Tòa án giải quyết vụ án. Căn cứ vào các Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa xét xử vắng mặt các đương sự này.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị S và ông Huỳnh Tấn T tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2010 nhưng không thực hiện việc đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Tại giấy xác nhận số 11/GXN-UBND ngày 19/3/2025 của UBND xã T xác nhận từ năm 2016 đến nay không tìm thấy tên Phạm Thị S và Huỳnh Tấn T trong sổ xác nhận tình trạng hôn nhân và sổ đăng ký kết hôn của UBND xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long. Nên hôn nhân giữa bà S và ông T không được pháp luật công nhận.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, tuyên bố không công nhận bà Phạm Thị S và ông Huỳnh Tấn T là vợ chồng.

[2.2] Về con chung: Bà Phạm Thị S và ông Huỳnh Tấn T đều thừa nhận trong thời gian sống chung bà S và ông T có 01 con chung tên Phạm Tấn T1, sinh ngày 28/11/2011, con chung hiện do ông Trung trực T2 nuôi dưỡng.

Bà S và ông T thoả thuận giao con chung Phạm Tấn T1 cho ông T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, bà S không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Xét, sự thoả thuận trên là phù hợp với nguyện vọng của cháu T1 nên được chấp nhận.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Bà Phạm Thị S và ông Huỳnh Tấn T không yêu cầu giải quyết.

[2.4] Về án phí: Bà Phạm Thị S phải nộp án phí không có giá ngạch.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng các Điều 14, 15, 53, 81, 82, 93 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận bà Phạm Thị S và ông Huỳnh Tấn T là vợ chồng.

2. Về con chung: Giao con chung tên Phạm Tấn T1, sinh ngày 28/11/2011 cho ông Huỳnh Tấn T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Bà Phạm Thị S không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Phạm Thị S phải nộp 300.000đ tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu số 0012037 ngày 19/3/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trà Ôn. Bà Phạm Thị S đã nộp đủ.

5. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Án xử công khai sơ thẩm Tòa án báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày hôm nay tuyên án. Riêng những đương sự vắng

mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 này kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ tại nơi cư trú theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Trà Ôn;
- Chi Cục THADS huyện Trà Ôn;
- Các đương sự;
- UBND xã Tích Thiện, huyện Trà Ôn;
- Lưu HS; VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thành Luân